FireAnt

CTCP Viễn thông FPT (UPCOM: FOX)

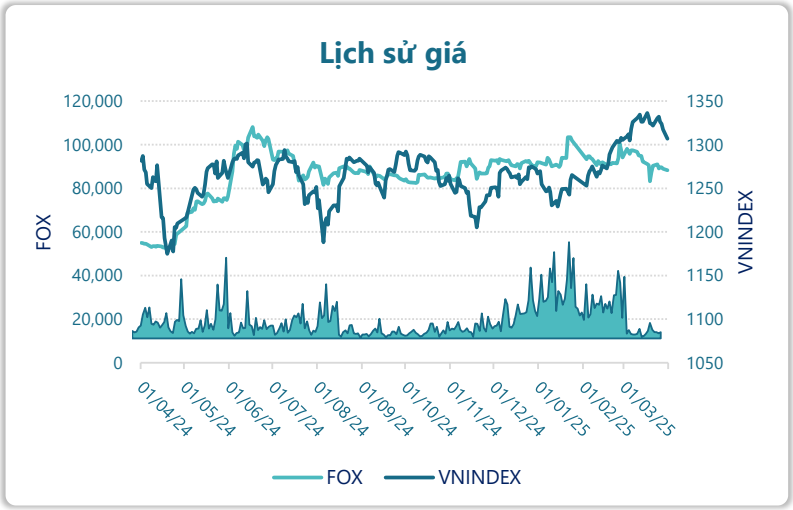

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**91,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	108,079
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	52,143
SL cổ phiếu LH	492,509,164
KLGD BQ 20 phiên (CP)	126,315
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	44,917
P/E	15.4
EPS	5,918

DT thuần

Q1/25

4,582

tỷ VNĐ

QoQ: ▼229| -4.8%

YoY: ▲ 570| 14.2%

LN sau thuế

Q1/25

773

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 36.0| 4.9%

YoY: ▲ 113| 17.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

22.1%

DT thuần

2024

17,610

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,804| 11.4%

LN sau thuế

2024

2,861

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 427| 17.6%

ROE

2024

28.4%

+/- YoY: ▲ 0.4%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

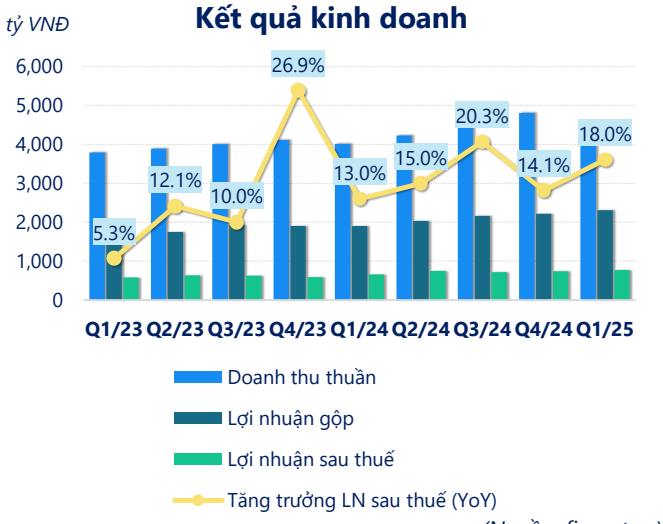

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

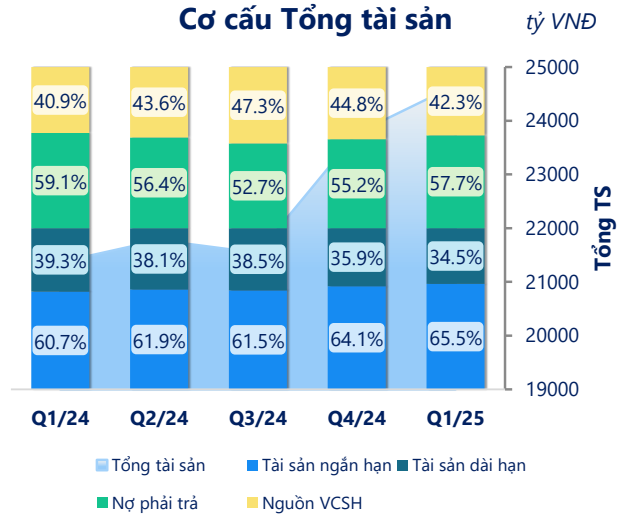

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

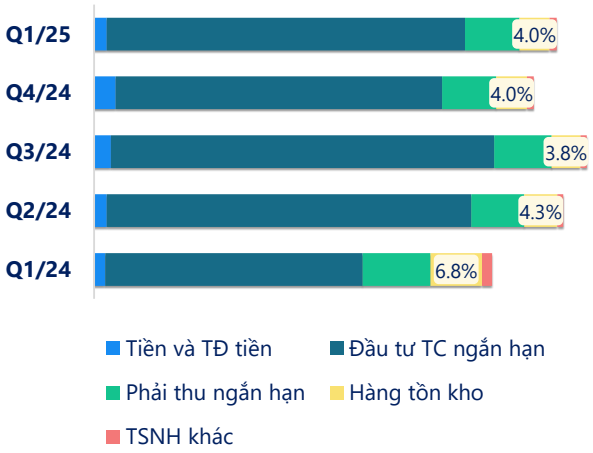

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

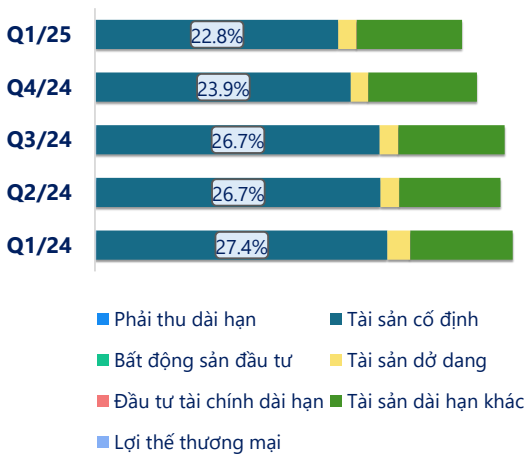

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

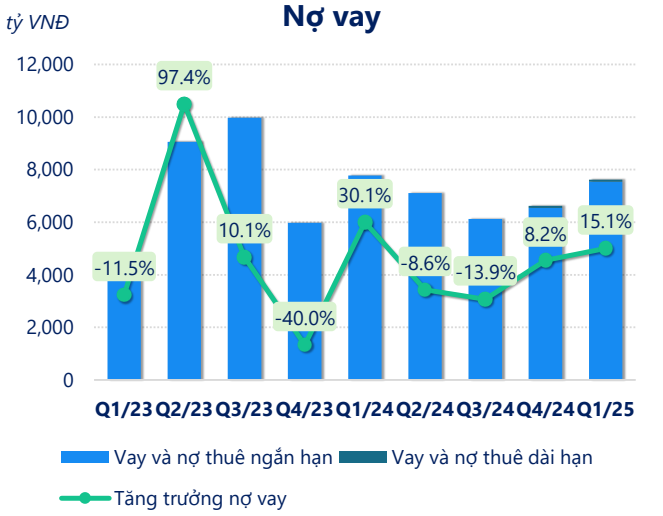

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

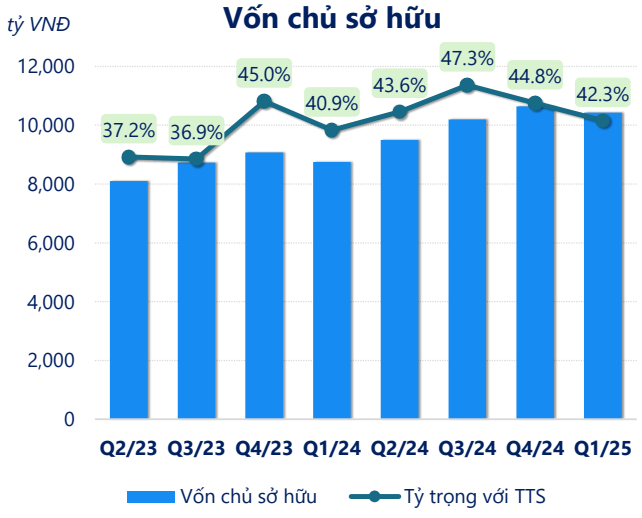

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

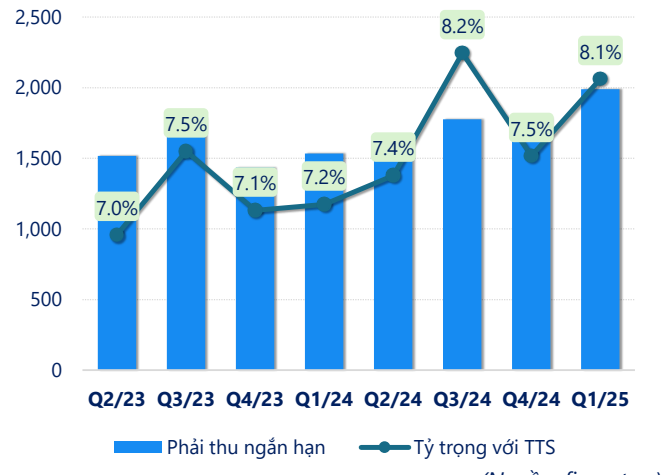

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

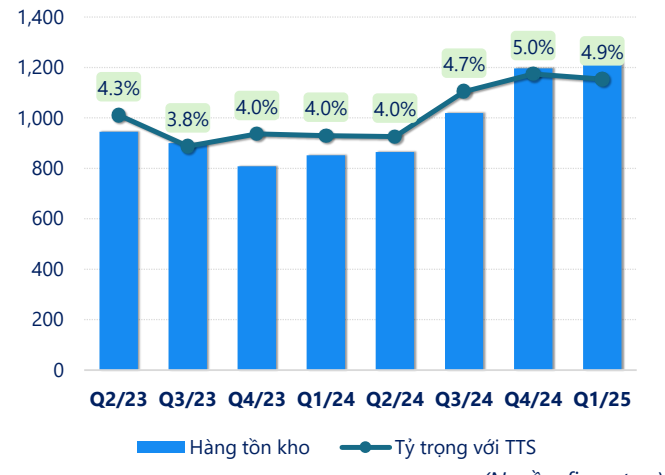

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

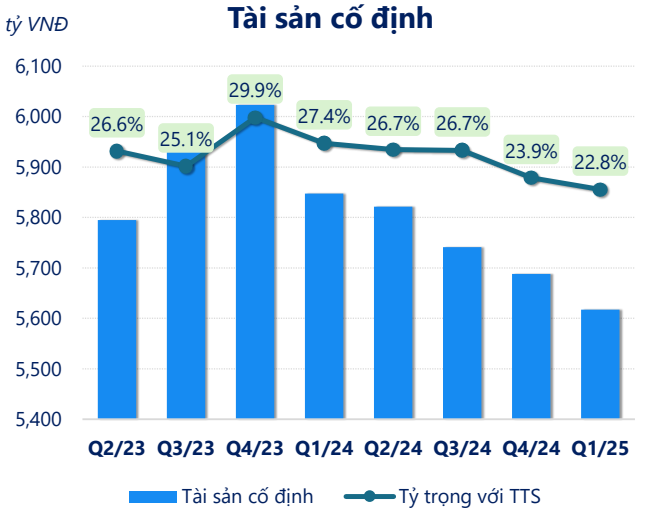

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

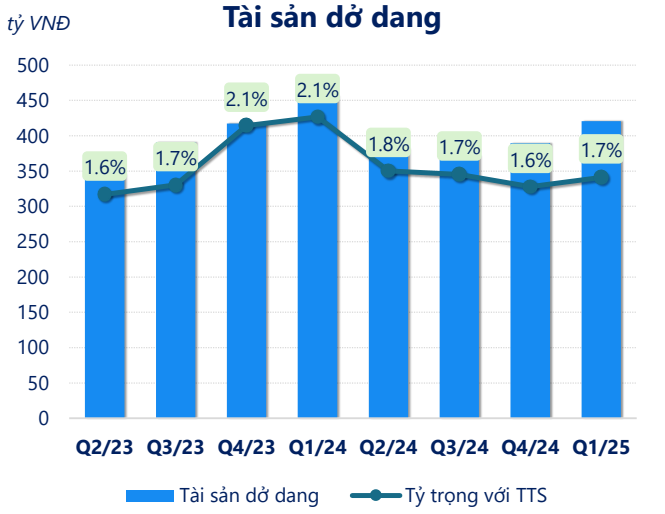

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

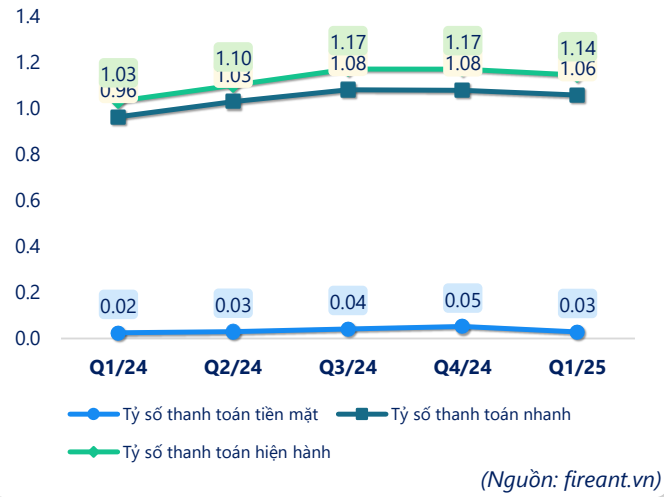

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

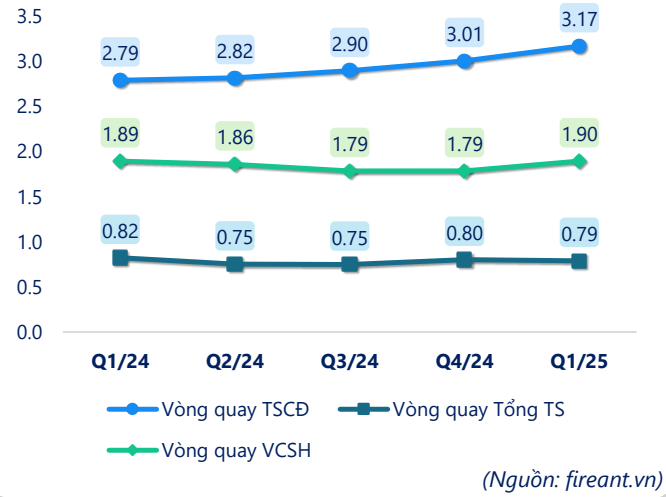

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**21,368**	**21,780**	**21,540**	**23,768**	**24,663**
Tài sản ngắn hạn	**12,978**	**13,478**	**13,243**	**15,229**	**16,151**
Tiền và tương đương tiền	313	364	475	679	407
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10,081	10,462	9,784	11,377	12,286
Phải thu ngắn hạn	1,533	1,607	1,776	1,787	1,988
Hàng tồn kho	852	865	1,020	1,196	1,219
Tài sản ngắn hạn khác	199	180	188	190	250
Tài sản dài hạn	**8,390**	**8,303**	**8,297**	**8,539**	**8,512**
Phải thu dài hạn	26.3	26.0	26.1	25.9	23.8
Tài sản cố định	5,847	5,821	5,741	5,688	5,618
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	456	382	372	390	421
Đầu tư tài chính dài hạn	6.20	6.20	6.20	6.20	6.20
Tài sản dài hạn khác	2,055	2,068	2,151	2,429	2,444
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**12,618**	**12,284**	**11,342**	**13,122**	**14,229**
Nợ ngắn hạn	**12,581**	**12,246**	**11,305**	**13,000**	**14,106**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7,780	7,113	6,121	6,541	7,535
Phải trả người bán ngắn hạn	1,342	1,206	1,183	1,541	1,457
Nợ dài hạn	37.6	38.1	37.4	122	123
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	81.8	85.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	**8,750**	**9,497**	**10,198**	**10,646**	**10,434**
Vốn chủ sở hữu	**8,750**	**9,497**	**10,198**	**10,646**	**10,434**
Vốn điều lệ	4,925	4,925	4,925	4,925	4,925
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)